

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu Lan

2. Bà Hà Thị Minh Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn M, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Hiện tạm trú tại: Khu Phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết T trình bày: Tôi và anh Nguyễn Hữu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 25/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra rất căng thẳng. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Có 01 cháu Nguyễn Hữu Khôi A sinh ngày 04/7/2018. Hiện nay cháu A đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi con và không yêu cầu anh H

cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay làm giáo viên thu nhập một tháng 5.000.000 đồng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày: Tôi và chị Trần Thị Tuyết T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 25/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra rất căng thẳng. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Chị T xin ly hôn. Tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu Nguyễn Hữu Khôi A sinh ngày 04/7/2018. Hiện nay cháu A đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị T nhận nuôi con và không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị Tuyết T được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Hữu Khôi A sinh ngày 04/7/2018 cho chị Trần Thị Tuyết T nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Chị Trần Thị Tuyết T phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết T và anh Nguyễn Hữu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T,

tỉnh Bắc Giang vào ngày 25 tháng 12 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh H đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống của vợ chồng bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra rất căng thẳng. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị T xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị T và anh H hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị T được ly hôn anh H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu Nguyễn Hữu Khôi A sinh ngày 04/7/2018. Khi ly hôn chị T nhận nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Cháu A hiện nay đang ở cùng chị T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu A được ổn định, đầy đủ và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Do vậy cần giao cháu A cho chị T nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu về nuôi con chung của chị T không trái với quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H đều xác nhận không có.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Chị Trần Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Tuyết T được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Hữu Khôi A sinh ngày 04/7/2018 cho chị Trần Thị Tuyết T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Tuyết T phải chịu 150.000 đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số: AA/2024/0002209 ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Chị Trần Thị Tuyết T được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã A,
- tỉnh Bắc Giang
- Lưu HS -TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng

